ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:3924/QĐ-TĐHYKPNT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển trình độ Thạc sĩ năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2354/QĐ-TĐHYKPNT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học ngày 04 tháng 10 năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2024 và Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 594 /TTr-QLĐTSĐH ngày 08 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 178 thí sinh trúng tuyển trình độ Thạc sĩ thuộc 11 ngành *(danh sách đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Bộ Giáo dục và Đào tạo; - ĐU-VPT; - HT và các PHT; - Phòng CNTT (để đăng web); - Lưu: VT, P.QLĐTSĐH (Q_05b).	**HIỆU TRƯỞNG** ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH **PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp**

DELHI
MDX 5 204120
24 12 2014

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024

ĐỐI TƯỢNG: CAO HỌC

(Kèm Quyết định số 3921/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				**17**		
1	1	24.04.01.0002	Ngô Thị Hiền	Anh	Nữ	01/03/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
2	2	24.04.01.0004	Nguyễn Dương Quốc	Anh	Nam	09/11/1996	Tỉnh An Giang	
3	3	24.04.01.0007	Nguyễn Thị Thuỳ	Châu	Nữ	24/09/1998	Tỉnh Kon Tum	
4	4	24.04.01.0011	Trần Thế	Huy	Nam	20/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
5	5	24.04.01.0012	Lê Đăng	Huy	Nam	18/02/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
6	6	24.04.01.0013	Đỗ Trường	Huy	Nam	01/04/2000	Tỉnh Quảng Nam	
7	7	24.04.01.0014	Võ Thị	Huyền	Nữ	15/09/1995	Tỉnh Nghệ An	
8	8	24.04.01.0015	Nguyễn Thị Kim	Kha	Nữ	05/11/1998	Tỉnh Tiền Giang	
9	9	24.04.01.0017	Nguyễn Võ Đăng	Khoa	Nam	30/12/1994	Tỉnh Tiền Giang	
10	10	24.04.01.0018	Tôn Ngọc	Lãm	Nam	10/07/1998	Tỉnh Quảng Nam	
11	11	24.04.01.0019	Võ Xuân	Mai	Nữ	29/09/1997	Tỉnh Trà Vinh	
12	12	24.04.01.0021	Trần Phương	Ngân	Nữ	05/11/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
13	13	24.04.01.0023	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	12/09/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
14	14	24.04.01.0024	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	15/08/1997	Tỉnh Gia Lai	
15	15	24.04.01.0025	Đặng Trần Thiên	Nhi	Nữ	08/11/1996	Thành phố Cần Thơ	
16	16	24.04.01.0026	Mai Đoàn Ý	Nhi	Nữ	11/01/2000	Tỉnh Bình Thuận	
17	17	24.04.01.0028	Đinh Minh	Thư	Nữ	01/07/1996	Tỉnh Bến Tre	
		NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG				**30**		
18	1	24.04.31.0317	Vũ Minh	Anh	Nữ	10/08/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh	
19	2	24.04.31.0318	Trịnh Cao Thị Ngọc	Bội	Nữ	15/06/1996	Tỉnh Sóc Trăng	
20	3	24.04.31.0321	Lê Đức Hạnh	Duyên	Nữ	04/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
21	4	24.04.31.0322	Trần Văn	Dũng	Nam	16/11/1989	Tỉnh Nam Định	
22	5	24.04.31.0323	Võ Hoàng	Giang	Nam	09/01/2000	Tỉnh Kiên Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
23	6	24.04.31.0324	Lê Quan	Hải	Nam	27/08/1999	Thành phố Cần Thơ	
24	7	24.04.31.0326	Nguyễn Thị Thục	Hiền	Nữ	27/04/1999	Tỉnh Bình Định	
25	8	24.04.31.0327	Ngô Thị Kim	Hoà	Nữ	14/03/1997	Tỉnh Bình Định	
26	9	24.04.31.0330	Nguyễn Viết	Khánh	Nam	25/10/1999	Tỉnh Cà Mau	
27	10	24.04.31.0332	Nguyễn Hoàng	Lan	Nữ	14/04/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
28	11	24.04.31.0333	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	04/05/1995	Tỉnh Đồng Nai	
29	12	24.04.31.0334	Phan Tú	Minh	Nữ	01/01/2000	Tỉnh Khánh Hòa	
30	13	24.04.31.0337	Mã Quý	Ngọc	Nữ	25/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
31	14	24.04.31.0342	Phạm Thị Ý	Nhi	Nữ	01/12/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
32	15	24.04.31.0343	Nguyễn Phan Phương	Nhi	Nữ	02/11/1994	Tỉnh Đồng Nai	
33	16	24.04.31.0344	Nguyễn Thanh Quỳnh	Như	Nữ	25/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	17	24.04.31.0349	Nguyễn Thị Ái	Quy	Nữ	12/04/1998	Tỉnh Bình Định	
35	18	24.04.31.0351	Mai Thu	Quỳnh	Nữ	06/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
36	19	24.04.31.0354	Nguyễn Minh	Thoại	Nam	27/03/1997	Tỉnh Tiền Giang	
37	20	24.04.31.0355	Lê Minh	Thư	Nữ	17/01/2000	Tỉnh Bến Tre	
38	21	24.04.31.0356	Hoàng Tâm	Thư	Nữ	28/11/2000	Tỉnh Khánh Hòa	
39	22	24.04.31.0357	Mai Hoài	Thương	Nữ	20/11/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
40	23	24.04.31.0358	Nguyễn Ngọc Minh	Tiến	Nam	04/11/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
41	24	24.04.31.0361	Võ Kiều	Trinh	Nữ	05/07/1997	Thành phố Cần Thơ	
42	25	24.04.31.0362	Nguyễn Đức	Trí	Nam	18/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
43	26	24.04.31.0363	Đào Nhiêu Thanh	Trúc	Nữ	11/02/1997	Tỉnh Ninh Thuận	
44	27	24.04.31.0364	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	07/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
45	28	24.04.31.0365	Trần Kim	Tú	Nam	13/09/1999	Tỉnh Bình Thuận	
46	29	24.04.31.0366	Dương Thị Hồng	Tươi	Nữ	24/09/2000	Tỉnh Đồng Tháp	
47	30	24.04.31.0368	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	24/02/2001	Tỉnh Khánh Hòa	
		NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG			18			
48	1	24.04.04.0034	Trần Hải	Âu	Nam	06/07/1982	Tỉnh Hải Dương	
49	2	24.04.04.0035	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	24/12/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
50	3	24.04.04.0036	Lê Thị Cẩm	Dung	Nữ	28/08/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
51	4	24.04.04.0037	Cao Thị	Đào	Nữ	14/02/1994	Tỉnh Thái Bình	
52	5	24.04.04.0038	Phạm Thị Phương	Lâm	Nữ	10/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
53	6	24.04.04.0039	Hoàng Thị Kim	Liên	Nữ	17/03/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	
54	7	24.04.04.0040	Phan Thị Bích	Nguyệt	Nữ	12/11/2001	Tỉnh Khánh Hòa	
55	8	24.04.04.0041	Lộc Ý	Nhi	Nữ	02/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	9	24.04.04.0042	Phan Thị Hường	Nhung	Nữ	13/10/1998	Bà Rịa Vũng Tàu	
57	10	24.04.04.0043	Khưu Tấn	Phúc	Nam	12/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
58	11	24.04.04.0045	Lê Thị	Tâm	Nữ	04/06/1985	Tỉnh Nghệ An	
59	12	24.04.04.0046	Hoàng Minh	Thành	Nam	29/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
60	13	24.04.04.0047	Võ Thị	Thảo	Nữ	24/09/1995	Tỉnh Quảng Bình	
61	14	24.04.04.0048	Bùi Minh	Thân	Nam	31/01/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	15	24.04.04.0049	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	09/05/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
63	16	24.04.04.0050	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	Nữ	24/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	17	24.04.04.0051	Dương Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	16/06/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	18	24.04.04.0052	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	29/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU				**4**		
66	1	24.04.24.0304	Nguyễn An	Ninh	Nam	16/04/1998	Tỉnh Bình Phước	
67	2	24.04.24.0305	Phan Trần Thanh	Phương	Nữ	21/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	3	24.04.24.0306	Phan Trần Thanh	Thảo	Nữ	19/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
69	4	24.04.24.0307	Phạm Trọng	Trọng	Nam	20/06/1994	Tỉnh Bến Tre	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU BỆNH				**2**		
70	1	24.04.25.0308	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	06/10/1994	Tỉnh Kiên Giang	
71	2	24.04.25.0309	Ninh Thị Lan	Phương	Nữ	10/04/1999	Tỉnh Nam Định	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - MÔ PHÔI				**1**		
72	1	24.04.28.0310	Võ Phương	Nhi	Nữ	03/09/1996	Tỉnh Tiền Giang	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - SINH LÝ				**1**		
73	1	24.04.30.0311	Võ Đức Trí	Dũng	Nam	04/01/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - VI SINH			1			
74	1	24.04.29.0312	Phạm Thiên	Hương	Nữ	27/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI KHOA (CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU)			6			
75	1	24.04.35.0369	Nguyễn Thanh	An	Nữ	23/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
76	2	24.04.35.0372	Đinh Thị Trâm	Anh	Nữ	26/03/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
77	3	24.04.35.0375	Đào Thị Quốc	Diễm	Nữ	26/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	4	24.04.35.0383	Tăng Huỳnh Thanh	Hà	Nữ	22/05/2000	Tỉnh Cà Mau	
79	5	24.04.35.0394	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	30/07/2000	Tỉnh Tây Ninh	
80	6	24.04.35.0418	Phạm Đức	Vũ	Nam	11/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT			34			
81	1	24.04.10.0093	Huỳnh Lý Vân	Anh	Nữ	01/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	
82	2	24.04.10.0094	Thái Nguyễn Nhất	Anh	Nữ	20/06/2000	Tỉnh Bình Phước	
83	3	24.04.10.0095	Hồ Hoàng Phương	Anh	Nữ	23/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
84	4	24.04.10.0096	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	14/01/1998	Tỉnh Ninh Thuận	
85	5	24.04.10.0099	Nguyễn Võ Hồng	Ân	Nữ	07/09/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
86	6	24.04.10.0102	Tôn Nữ Quỳnh	Dung	Nữ	23/12/1995	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
87	7	24.04.10.0108	Phan Tuấn	Đạt	Nam	15/09/1997	Tỉnh Bến Tre	
88	8	24.04.10.0110	Lê Nguyễn Đình	Hải	Nam	06/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
89	9	24.04.10.0112	Trần Huy	Hoàng	Nam	28/01/1996	Hải Dương	
90	10	24.04.10.0119	Trần Gia	Huy	Nam	06/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
91	11	24.04.10.0121	Lê Văn	Hùng	Nam	04/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	12	24.04.10.0125	Trần Thị Thúy	Hường	Nữ	05/07/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
93	13	24.04.10.0128	Trần Ngọc	Khởi	Nam	14/11/1997	Tỉnh Sóc Trăng	
94	14	24.04.10.0129	Phạm Ngọc Phương	Linh	Nữ	14/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	15	24.04.10.0131	Nguyễn Thái Phi	Long	Nam	20/04/1999	Tỉnh Đồng Nai	
96	16	24.04.10.0132	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	08/11/1996	Tỉnh Quảng Nam	
97	17	24.04.10.0133	Trần Bá	Lộc	Nam	13/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	18	24.04.10.0135	Nguyễn Huỳnh Đức	Mạnh	Nam	20/04/1996	Tỉnh Bình Thuận	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
99	19	24.04.10.0139	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	15/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	20	24.04.10.0140	Hoàng Nhật	Nam	Nam	15/10/2000	Tỉnh Bình Định	
101	21	24.04.10.0150	Lương Việt	Quang	Nam	22/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	22	24.04.10.0154	Phan Tuấn	Quỳnh	Nam	11/03/1988	Tỉnh Khánh Hòa	
103	23	24.04.10.0157	Võ Thiện	Tâm	Nam	08/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
104	24	24.04.10.0159	Trương Ngọc Phương	Thanh	Nữ	18/04/1997	Tỉnh Kiên Giang	
105	25	24.04.10.0160	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	21/05/1999	Tỉnh Bình Định	
106	26	24.04.10.0161	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	07/02/1999	Tỉnh Phú Yên	
107	27	24.04.10.0164	Phạm Việt	Thắng	Nam	26/09/1998	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
108	28	24.04.10.0165	Đinh Lê	Thiêm	Nam	01/09/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
109	29	24.04.10.0168	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	27/01/1998	Tỉnh Bình Dương	
110	30	24.04.10.0170	Trịnh Huỳnh Ngọc	Thương	Nữ	30/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	31	24.04.10.0171	Trần Đức	Tiến	Nam	14/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
112	32	24.04.10.0180	Võ Thị Ngọc	Tú	Nữ	09/11/1995	Tỉnh Bến Tre	
113	33	24.04.10.0181	Nguyễn Huỳnh Anh	Tú	Nam	05/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	34	24.04.10.0183	Nguyễn Đặng	Tường	Nam	19/05/2000	Tỉnh Cà Mau	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT			**18**			
115	1	24.04.12.0187	Hồ Hải	Anh	Nam	30/07/1997	Tỉnh Nghệ An	
116	2	24.04.12.0188	Trần Tuấn	Anh	Nam	26/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
117	3	24.04.12.0192	Trương Quang	Đạt	Nam	24/01/1995	Tỉnh Bình Định	
118	4	24.04.12.0193	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	06/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
119	5	24.04.12.0195	Ngô Văn	Giang	Nam	19/02/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
120	6	24.04.12.0197	Đoàn Thanh	Huy	Nam	13/01/1996	Tỉnh Bình Định	
121	7	24.04.12.0198	Bùi Mạnh	Hùng	Nam	20/12/1994	Tỉnh Bình Phước	
122	8	24.04.12.0199	Nguyễn Duy	Khang	Nam	01/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	9	24.04.12.0200	Lương Bối	Kỳ	Nam	01/03/1998	Tỉnh Đồng Nai	
124	10	24.04.12.0201	Phạm Văn	Long	Nam	01/12/1997	Tỉnh Thái Bình	
125	11	24.04.12.0202	Nguyễn Quản	Lộc	Nam	25/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
126	12	24.04.12.0207	Quách Tiểu	Phụng	Nữ	04/10/1996	Tỉnh Gia Lai	
127	13	24.04.12.0208	Nguyễn Minh Nguyên	Phương	Nam	25/02/1997	Thành phố Cần Thơ	
128	14	24.04.12.0211	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	06/11/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
129	15	24.04.12.0214	Tô Hoài	Tiến	Nam	21/04/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
130	16	24.04.12.0215	Nguyễn Phan Thanh	Tiến	Nam	25/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
131	17	24.04.12.0217	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	26/01/1990	Thành phố Hải Phòng	
132	18	24.04.12.0220	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	19/06/1999	Tỉnh Bình Thuận	
		NGÀNH: NHI KHOA				**7**		
133	1	24.04.09.0059	Lê Thị Bích	Hồng	Nữ	22/03/2000	Tỉnh Kon Tum	
134	2	24.04.09.0064	Trương Thủy	Ngân	Nữ	28/01/1995	Tỉnh Long An	
135	3	24.04.09.0070	Võ Thanh	Phong	Nam	16/06/2000	Tỉnh Quảng Ngãi	
136	4	24.04.09.0074	Đậu Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/09/1996	Tỉnh Bình Thuận	
137	5	24.04.09.0083	Hồ Ngọc Thuỷ	Tiên	Nữ	28/04/1997	Tỉnh Bình Thuận	
138	6	24.04.09.0086	Đỗ Thị Ngọc	Uyên	Nữ	06/10/1995	Tỉnh Bến Tre	
139	7	24.04.09.0088	Nguyễn Thị Khánh	Vy	Nữ	25/05/1996	Tỉnh Bình Định	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA				**12**		
140	1	24.04.15.0223	Vi Thị	Ánh	Nữ	25/03/2000	Tỉnh Nghệ An	
141	2	24.04.15.0224	Diệp Lý	Bửu	Nam	15/02/1995	Tỉnh Bạc Liêu	
142	3	24.04.15.0237	Lai Dương	Long	Nam	28/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
143	4	24.04.15.0241	Nguyễn Hoàng	Ngân	Nữ	22/10/2000	Tỉnh Bình Định	
144	5	24.04.15.0246	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	20/06/1997	Tây Ninh	
145	6	24.04.15.0248	Lục Bội	Quân	Nữ	09/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
146	7	24.04.15.0252	Lại Văn	Tầm	Nam	27/04/1972	Thành phố Hồ Chí Minh	
147	8	24.04.15.0253	Lâm Hoài	Thanh	Nữ	21/05/1997	Tỉnh Bình Thuận	
148	9	24.04.15.0254	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	26/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
149	10	24.04.15.0255	Nguyễn Hà Gia	Thịnh	Nam	27/02/1997	Tỉnh Cà Mau	
150	11	24.04.15.0262	Hồ Như Cẩm	Tú	Nữ	01/01/1998	Tỉnh Bình Định	
151	12	24.04.15.0263	Bùi Nguyệt	Tú	Nữ	22/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG				**15**		
152	1	24.04.16.0267	Hồ Thụy Nhân	Ái	Nữ	22/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
153	2	24.04.16.0268	Phạm Thị Khánh	Chi	Nữ	31/08/1999	Tỉnh Kon Tum	
154	3	24.04.16.0270	Đặng Nguyễn Hoàng	Giàu	Nam	04/08/1999	Tỉnh Tiền Giang	
155	4	24.04.16.0271	Lê Thị Ngọc	Hằng	Nữ	06/08/1995	Tỉnh An Giang	
156	5	24.04.16.0274	Huỳnh Tiến	Huy	Nam	25/02/1998	Thành phố Cần Thơ	
157	6	24.04.16.0275	Tống Thị	Hương	Nữ	22/12/2000	Tỉnh Quảng Ngãi	
158	7	24.04.16.0278	Bùi Trần Vi	Ngân	Nữ	04/08/1999	Tỉnh Bến Tre	
159	8	24.04.16.0282	Nguyễn Toàn	Phước	Nam	08/05/2000	Tỉnh Quảng Ngãi	
160	9	24.04.16.0283	Lê Nguyễn Minh	Quân	Nam	07/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
161	10	24.04.16.0284	Lê Thị Kim	Quỳnh	Nữ	13/04/1999	Tỉnh Bến Tre	
162	11	24.04.16.0286	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	18/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
163	12	24.04.16.0288	Lê Đoàn Tú	Uyên	Nữ	11/11/1999	Tỉnh Gia Lai	
164	13	24.04.16.0289	Huỳnh Đức	Việt	Nam	06/11/1997	Tỉnh Bình Thuận	
165	14	24.04.16.0290	Nguyễn Duy	Vũ	Nam	6/3/1994	Thành Phố Hồ Chí Minh	
166	15	24.04.16.0291	Trần Đình	Vương	Nam	17/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH				**6**		
167	1	24.04.22.0292	Dương Gia	Bảo	Nam	01/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
168	2	24.04.22.0293	Huỳnh Thị Kim	Liên	Nữ	19/01/1999	Tỉnh An Giang	
169	3	24.04.22.0294	Nguyễn Hồ Khánh	Ngọc	Nam	06/01/1997	Tỉnh Tiền Giang	
170	4	24.04.22.0295	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	30/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
171	5	24.04.22.0296	Trần Cao Thịnh	Phước	Nam	22/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
172	6	24.04.22.0297	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	Nữ	19/02/2000	Tiền Giang	
		NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG				**6**		
173	1	24.04.23.0298	Trần Minh	Anh	Nam	11/10/1998	Tỉnh Nam Định	
174	2	24.04.23.0299	Huỳnh Trần Phúc	Duy	Nam	09/10/1989	Tỉnh Cà Mau	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
175	3	24.04.23.0300	Trần Phan Thanh	Hiếu	Nam	22/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
176	4	24.04.23.0301	Nguyễn Đinh	Khang	Nam	14/06/1998	Đà Nẵng	
177	5	24.04.23.0302	Đặng Hạc Sương	Mai	Nữ	29/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	
178	6	24.04.23.0303	Trần Phùng	Vinh	Nam	10/9/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 178 thí sinh trúng tuyển

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

HIỆU TRƯỞNG